TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/DS-ST
Ngày: 01-11-2019.
V/v tranh chấp
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Ông La Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong các ngày 29 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 41/2 tổ 51, phường K, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ô 6, khu B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1967. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, bà Lê Thị H1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ngày 13/02/2019 bà Huỳnh Ngọc H có cho ông Nguyễn Hữu M vay số tiền 180.000.000đồng, mục đích vay để làm ăn, không thỏa thuận lãi suất, không có thế chấp tài sản, khi vay tiền thì hai bên có làm giấy tay, ông M trực tiếp ký tên và có sự chứng kiến của bà Đặng Thị T là vợ của ông M, ông M hẹn đến 13/5/2019 sẽ T toán cho bà H số tiền trên nhưng cho đến nay ông M vẫn chưa T toán cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông M và bà T là vợ ông M liên đới trả số tiền 180.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu M trình bày: Ông M thừa nhận có vay bà H số tiền 180.000.000đồng như lời bà H1 đại diện cho bà H trình bày, mục đích vay tiền để làm ăn, không có thế chấp tài sản, thời hạn T toán là 13/5/2019, nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên ông M không T toán được cho bà H như đã hứa. Nay bà H yêu cầu ông M và vợ là bà Đặng Thị T trả số tiền 180.000.000đồng, ông M đồng ý nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết số tiền vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng chi trả một lần. Ngoài ra ông M trình bày sự việc ông M vay tiền của bà H, bà Đặng Thị T không biết, đến khi bà H khởi kiện tại Tòa án thì bà T mới biết, hiện nay ông M và bà T vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, bà T cũng đồng ý cùng ông M liên đới trả cho bà H số tiền 180.000.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Hữu M, việc ông M vay tiền của bà H, bà không biết, đến khi bà H khởi kiện và đến nhà yêu cầu T toán thì bà mới biết. Nay bà H yêu cầu bà và ông M liên đới hoàn trả số tiền 180.000.000đồng, bà không có ý kiến gì và để ông M tự giải quyết, ngoài ra bà T xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng kết quả hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, bà Huỳnh Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu M và bà Đặng Thị T liên đới trả số tiền vay là 180.000.000đồng . Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hữu M có hộ khẩu thường trú tại B, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T có yêu cầu vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thấy rằng ngày 13/02/2019 bà H có cho ông M vay số tiền 180.000.000đồng, việc cho vay có lập giấy tay. Ông M thống nhất về số tiền vay nên được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hữu M và bà Đặng Thị T là vợ của ông M liên đới trả số tiền 180.000.000đồng. Bà T trình bày bà và ông M là vợ chồng nhưng bà không biết việc ông M vay tiền của bà H, trước yêu cầu khởi kiện của bà H bà không có ý kiến gì và để ông M tự giải quyết. Xét thấy ông M và bà T thừa nhận hai người là vợ chồng và đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, việc ông M vay tiền của bà H mặc dù bà T không biết nhưng bà T không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của bà H; tại phiên tòa, ông M trình bày bà T đồng ý cùng ông M trả nợ cho bà H và ông M vay số tiền 180.000.000đồng của bà H trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa ông M và bà T. Tại phiên tòa ông M trình bày mục đích vay tiền của bà H để làm ăn và trong trường hợp làm ăn phát sinh lãi thì ông M cũng dùng để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Từ những phân tích trên cần buộc bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 180.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Ông Nguyễn Hữu M đề nghị được trả số tiền vay theo phương thức trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng do hoàn cảnh khó khăn, bà H1 đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu ông M, bà T liên đới trả một lần toàn bộ số tiền trên. Xét thấy, thời gian vay tiền cũng đã lâu; do đó để đảm bảo quyền lợi cho bà H cần buộc ông Nguyễn Hữu M và bà Đặng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H một lần số tiền vay còn nợ.

Từ những phân tích [2], [3], [4], xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[5]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông M và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc H đối với ông Nguyễn Hữu M và bà Đặng Thị T về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Hữu M và bà Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu M và bà Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới chịu 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000đồng theo biên lai thu số 0003213 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hải An